

Ảnh hưởng của quan niệm đạo đức Nho giáo đến đời sống đạo đức ở Việt Nam hiện nay

Hoàng Thu Trang¹

¹ Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Email: trang.vientriet@gmail.com

Nhận ngày 1 tháng 3 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 27 tháng 3 năm 2017.

Tóm tắt: Ở Việt Nam hiện nay, đời sống đạo đức là một trong những lĩnh vực của đời sống tinh thần, chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của quan niệm đạo đức Nho giáo theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực. Những ảnh hưởng tích cực xuất phát từ chính những ưu điểm của quan niệm đạo đức Nho giáo như: coi trọng việc tự tu dưỡng đạo đức ở mỗi cá nhân; đề cao trách nhiệm của con người trong các mối quan hệ; đề cao vai trò của đạo đức, nhân nghĩa trong cách đối nhân xử thế... Bên cạnh đó, những ảnh hưởng tiêu cực của nó cũng bộc lộ thông qua tư tưởng gia trưởng, bệnh gia đình chủ nghĩa, tư tưởng trọng nam khinh nữ...

Từ khóa: Nho giáo, đạo đức, Việt Nam.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: In Vietnam today, the moral life is one of the segments of the spiritual life, which is under the most profound impacts of the Confucian ethical views, in both positive and negative manners. The positive impacts are originated from the very good points of the views, which include attaching importance to self-education to improve one's ethics by each individual, laying emphasis on man's responsibilities in his relationships and on the role of ethics, benevolence and righteousness in man's behaving... Meanwhile, negative impacts have been revealed in the prevailing paternalism, nepotism, and male chauvinism...

Keywords: Confucianism, ethics, Vietnam.

Subject Classification: Philosophy

1. Mở đầu

Nho giáo là một trong những trào lưu triết học Trung Hoa cổ đại do Khổng Tử (551-

479 trước Công nguyên) sáng lập. Du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc, Nho giáo nói chung và quan niệm đạo đức Nho giáo nói riêng đã được các triều đại phong kiến Việt

Nam tiếp nhận, sử dụng và từng trở thành hệ tư tưởng chính thống của giai cấp phong kiến thống trị trong một thời gian khá dài. Quan niệm đạo đức Nho giáo đã trở thành

nền tảng của đạo đức phong kiến Việt Nam; ăn sâu, bám rễ vào đời sống tinh thần của người Việt truyền thống và có ảnh hưởng sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Quan niệm đạo đức Nho giáo không những ảnh hưởng trong quá khứ, mà còn ảnh hưởng đối với các lĩnh vực trong đời sống tinh thần của người Việt Nam hiện tại. Bài viết này chỉ phân tích những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của quan niệm đạo đức Nho giáo đối với đời sống đạo đức của con người Việt Nam hiện nay.

2. Ảnh hưởng tích cực

2.1. Ảnh hưởng đến việc giáo dục ý thức tự tu dưỡng đạo đức

Cùng với việc đề ra những chuẩn mực, những quy phạm đạo đức, Nho giáo còn khẳng định *tu thân* là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất, quan trọng nhất trong việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức. Mặc dù, quan niệm *tu thân* của Nho giáo không tránh khỏi những hạn chế như chủ yếu chú trọng đến việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của giai cấp thống trị, nhưng nếu tạm thời gạt bỏ những hạn chế ấy ta vẫn sẽ tìm thấy những hạt nhân hợp lý, những ảnh hưởng tích cực của nó đối với yêu cầu tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân trong xã hội Việt Nam hiện nay. Quan niệm *tu thân* của Nho giáo càng phát huy ý nghĩa to lớn của nó trước thực trạng xuống cấp nghiêm trọng về mặt đạo đức của một bộ phận

không nhỏ người Việt Nam trong mọi giai cấp, tầng lớp xã hội như thực tế đang diễn ra ở nước ta hiện nay. Những vụ án giết người hết sức tàn độc để cướp của hay vì ân oán cá nhân diễn ra khá phổ biến trong thời gian gần đây là một trong những minh chứng rõ nét cho mức độ xuống cấp nghiêm trọng của đạo đức xã hội. Ví dụ như, vụ án Nguyễn Đức Nghĩa (chặt người yêu thành nhiều khúc rồi vứt ở nhiều nơi, cướp tài sản... xảy ra tại Hà Nội năm 2010) vụ án Lê Văn Luyện (cướp tiệm vàng, giết 3 người xảy ra vào năm 2011); gần đây là vụ án Nguyễn Hải Dương (dùng dao sát hại 6 mạng người trong một gia đình để cướp tài sản năm 2015) [3]. Khi con người ta có thể dễ dàng ra tay tàn độc, sát hại đồng loại, thậm chí là người thân, người yêu của mình với bất kể lý do gì thì khi ấy họ đã đánh mất nhân tính của bản thân. Sở dĩ đánh mất nhân tính là vì họ không tu dưỡng, trau dồi đạo đức thường xuyên, liên tục.

Cần phải thấy rằng, tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức là điều vô cùng quan trọng đối với cá nhân mỗi con người, bởi lẽ chỉ có tu dưỡng đạo đức thường xuyên và liên tục mới giúp con người giữ vững được nhân cách trước mọi thử thách và cám dỗ của cuộc sống hiện đại. Trong quá trình ấy, việc nhận diện và kế thừa những ảnh hưởng tích cực trong quan niệm của đạo đức Nho giáo về vấn đề này là hết sức cần thiết. Không phải ngẫu nhiên mà Nho giáo đặc biệt coi trọng quá trình tự tu dưỡng đạo đức trong mỗi con người. Thực tế cho thấy, sự tu dưỡng đạo đức của một cá nhân là sự phản ánh một cách trung thực nhất và sinh động nhất về nhân cách của cá nhân ấy. Có thể khẳng định một cách chắc chắn là, một người thiếu lòng nhân ái thì khó có thể là người yêu nước, thương dân; một người sống không ngay thẳng, không

trung thực với bản thân thì khó có thể sống trung thực với người khác; một người có lỗi sống buông thả thì khó chấp hành kỷ cương, kỷ luật của tổ chức, của tập thể; một người trọng vật chất, tiền tài thì sẵn sàng bán rẻ nhân phẩm của mình, bán rẻ đồng chí, đồng bào mình... Bên cạnh đó, chính quá trình không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của bản thân sẽ giúp cho mỗi người không bị sa vào thói đạo đức giả, coi đạo đức, nhân nghĩa chỉ là phương tiện để dối trên, gạt dưới, để mưu lợi, cầu vinh.

Hồ Chí Minh từng nhìn nhận một trong những ưu điểm lớn nhất của học thuyết Nho giáo chính là việc đề cao sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Bản thân Người cũng rất coi trọng quá trình tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đạo đức cách mạng không phải ở trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng giống như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong” [1, tr.612].

Ở đây cần phải lưu ý rằng, chúng ta học tập tinh thần đề cao sự tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân con người, nhưng không áp dụng nguyên xi những cách thức, những biện pháp mà Nho giáo đề ra trong việc tu dưỡng đạo đức cũng như những chuẩn mực đạo đức mà Nho giáo muốn con người đạt được. Bởi lẽ, một số biện pháp và chuẩn mực đạo cụ thể của Nho giáo đã không còn phù hợp với chuẩn mực đạo đức hiện tại.

2.2. Ảnh hưởng đến việc giáo dục ý thức tôn trọng kỷ cương, tinh thần trách nhiệm đối với gia đình và xã hội

Nho giáo là một học thuyết hết sức đề cao và quan tâm đến, trách nhiệm của mỗi con

người trong các mối quan hệ mà họ tham gia. Cũng chính bởi thế mà Nho giáo đề ra những chuẩn mực đạo đức rất rõ ràng, quy định, trách nhiệm của mỗi cá nhân (trong các mối quan hệ cơ bản như vua tôi, cha con, chồng vợ). Thông qua việc quy định trách nhiệm của con người trong các mối quan hệ này, Nho giáo cũng hướng tới việc giáo dục con người ý thức tôn trọng trật tự, kỷ cương, kỷ luật của xã hội, xây dựng quan hệ xã hội trên dưới theo quy định chặt chẽ, nhằm ổn định trật tự xã hội. Dĩ nhiên, tư tưởng này của Nho giáo cũng có nhiều điểm tiêu cực (vì những quy định của Nho giáo về trách nhiệm, của con người đối với người khác và đối với cộng đồng đã trở thành buộc con người theo những chuẩn mực đạo đức không phù hợp). Tuy nhiên, nếu gạt bỏ những mặt trái của nó thì Nho giáo cũng góp phần không nhỏ trong việc ngăn chặn lối sống ích kỷ, vô cảm, vô trách nhiệm, vô lương tâm, coi thường trật tự, kỷ cương xã hội trong một bộ phận không nhỏ người Việt Nam hiện nay.

Trong xã hội hiện tại, mỗi cá nhân hàng ngày, hàng giờ đang tham gia đời sống xã hội với rất nhiều mối quan hệ. Nhưng, dù đó có là mối quan hệ nào đi chăng nữa thì việc đề ra những chuẩn mực đạo đức mang tính nguyên tắc quy định trách nhiệm cho mỗi cá nhân tham gia vào mối quan hệ ấy theo từng vị trí khác nhau là điều cần thiết và quan trọng. Đó cũng chính là cái chuẩn để đánh giá một con người là tốt hay xấu, là thiện hay ác, người có tư cách hay không có tư cách...

Bên cạnh những hạn chế mang tính thời đại, chúng ta hoàn toàn có thể khai thác những giá trị tích cực của học thuyết Nho giáo trong những quy chuẩn đạo đức mà nó đề ra với mỗi con người. Trong gia đình, đó là kính trên nhường dưới (giữa ông bà, cha mẹ với con cái) sao cho “trên thuận, dưới

hòa"... Trong xã hội đó là yêu nước, thương dân, sẵn sàng đem sức mình cống hiến cho sự nghiệp xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, đời sống nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc...

Nhiều nhà nghiên cứu hiện nay phê phán Nho giáo khi cho rằng, học thuyết này chỉ nhấn mạnh đến yêu cầu buộc các cá nhân phải thực hiện, trách nhiệm của mình trong các mối quan hệ mà không đề cập đến mưu cầu hạnh phúc của bản thân mỗi cá nhân ấy. Quan niệm này không hoàn toàn đúng, bởi lẽ hầu hết mọi người đều cảm thấy hạnh phúc khi làm tròn hết các bổn phận và trách nhiệm của mình đối với gia đình, và xã hội. Khi thực hiện trách nhiệm của mình đối với người khác, mỗi người sẽ tìm được hạnh phúc cho chính mình. Yêu cầu này càng trở nên có ý nghĩa hơn khi quan hệ giữa con người với con người trong xã hội hiện đại đang bị chi phối, bởi những mặt trái của cơ chế thị trường. Tác động của mặt trái của cơ chế thị trường đã dẫn đến những nhận thức lệch lạc ở một số người, những người này (chỉ biết đòi hỏi quyền lợi bản thân, xem nhẹ việc thực hiện bổn phận của mình, không quan tâm đến lợi ích của người khác, đến danh dự của gia đình và cộng đồng. Điều quan trọng hàng đầu của nền giáo dục ở mỗi quốc gia là giáo dục tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân. Thế nhưng, ở nền giáo dục hiện nay đang có biểu hiện đề cao lợi ích cá nhân hơn là việc thực hiện trách nhiệm với người khác, với gia đình và với cộng đồng. Nhận xét về thực trạng này, trong cuốn sách *Tiếng chuông cảnh tỉnh của thế kỷ XXI*, các tác giả viết: "Giáo dục hiện nay chú trọng vào quyền lợi của con người mà xem nhẹ bổn phận của họ, nhất là quan hệ con người với thiên nhiên... Trong thế giới ngày nay, người ta thường dạy cho

mọi người biết quyền lợi mà không nói rõ tới nghĩa vụ của họ. Tôi nghĩ rằng phải dạy cho lớp trẻ cả quyền lợi và nghĩa vụ song song với nhau ở cấp cá nhân cũng như ở cấp xã hội" [2, tr.193].

Trong bối cảnh như vậy, quan niệm đạo đức của Nho giáo đề cao trách nhiệm của cá nhân có ý nghĩa tích cực.

2.3. Ảnh hưởng đến việc xây dựng đời sống đạo đức nhân văn.

Cần phải nhấn mạnh rằng, tinh thần nhân ái, khoan dung, vị tha, nhân hậu, trọng tình, trọng nghĩa vốn là truyền thống của người Việt trước khi Nho giáo du nhập vào nước ta. Tuy nhiên, khi kết hợp với những quan niệm đạo đức của Nho giáo, truyền thống này đã được bổ sung, phát triển, được nâng lên ở tầm lý luận và có sức ảnh hưởng to lớn đối với xã hội, không chỉ trong truyền thống mà còn kéo dài tới hiện tại.

Ngày nay, do tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế; lối sống thực dụng, vị kỷ, vô cảm có chiều hướng tăng lên; khiến cho đạo đức xã hội xuống cấp, tình nghĩa gia đình, tình làng nghĩa xóm ngày càng mờ nhạt. Mặc dù vậy nhưng tinh thần nhân ái, bao dung, lối sống vị tha, tình yêu thương giữa con người với con người chưa bao giờ bị lãng quên. Bên cạnh những hành vi bất nhân, vô đạo đức, phản văn hóa thì cũng có không ít những tấm lòng cao cả, nghĩa hiệp sẵn sàng san sẻ, giúp đỡ, cứu mang, đùm bọc những người gặp hoạn nạn, khó khăn, những người kém may mắn trong cuộc sống cho dù đó không phải là người thân trong gia đình. Những phong trào từ thiện, các chương trình xóa đói giảm nghèo, cứu trợ đồng bào gặp thiên tai... luôn nhận

được sự ủng hộ, chung tay, góp sức của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội, những tấm gương “người tốt, việc tốt” luôn được cả cộng đồng ngợi ca, trân trọng và nhân rộng...

Đây là những minh chứng hết sức rõ nét về tinh thần “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân”, “nhường cơm sẻ áo”. Truyền thống đạo đức tốt đẹp này của cha ông ta ẩn giấu những giá trị đích thực của đạo đức Nho giáo. Chúng ta cần nhìn nhận những ảnh hưởng tích cực của đạo đức nho giáo trong việc giáo dục lòng nhân ái, vị tha, lối sống nhân nghĩa cho con người. Bởi vì Nho giáo coi trọng đạo đức, coi trọng nhân nghĩa, đề cao lối sống nhân ái, vị tha... Trong cuộc sống, ở bất kỳ thời đại nào, hoàn cảnh nào thì lòng nhân ái, khoan dung, nhân nghĩa cũng luôn xứng đáng được tôn vinh.

3. Ảnh hưởng tiêu cực

3.1. Ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng gia trưởng, đầu óc địa vị, ngôi thứ, chuyên quyền độc đoán, thiếu dân chủ

Đạo đức Nho giáo (với tư tưởng gia trưởng, địa vị, ngôi thứ, đầu óc chuyên quyền, độc đoán...) đã ảnh hưởng tiêu cực đến con người Việt Nam. Ảnh hưởng tiêu cực của những tư tưởng này biểu hiện khá rõ nét trong đời sống tinh thần của người Việt Nam. Tư tưởng gia trưởng, đầu óc địa vị, ngôi thứ, chuyên quyền độc đoán, thiếu dân chủ biểu hiện thông qua các mối quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa lãnh đạo với nhân dân. Trong lĩnh vực đạo đức, những quan niệm này chủ yếu biểu hiện thông qua các mối quan hệ của con người

trong gia đình, đặc biệt là quan hệ giữa cha mẹ với con cái, quan hệ giữa vợ với chồng, quan hệ giữa anh chị em với nhau.

Đối với mỗi quan hệ giữa cha mẹ và con cái, ở nhiều gia đình (đặc biệt ở những gia đình chịu ảnh hưởng sâu sắc của đạo đức phong kiến với nền tảng là đạo đức Nho giáo), cha mẹ ngang nhiên tự cho mình cái quyền đánh đập, hành hạ, ngược đãi con cái, gây áp lực để điều chỉnh hành vi của con, quyết định tương lai của con theo mong muốn và những tính toán riêng của bản thân. Theo khảo sát của Tổng cục Thống kê, với sự hỗ trợ của Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF), có gần 80% số trẻ em Việt Nam từ 2-14 tuổi bị cha mẹ hoặc người chăm sóc hay những người khác trong gia đình trừng phạt bằng bạo lực [5]. Thậm chí, cha mẹ còn cho mình quyền định đoạt, sắp xếp hôn nhân của con cái mà không cho chúng cơ hội tự do yêu đương, tự do kết hôn với người mình yêu...

Đối với quan hệ vợ chồng, việc tuyệt đối hóa quyền uy của người chồng, sự phục tùng một cách vô điều kiện của người vợ theo những quan niệm đạo đức của Nho giáo là một trong những nguyên nhân làm nảy sinh và gia tăng tình trạng bạo lực gia đình, bất bình đẳng giới, coi thường, hạ thấp vị trí vai trò của người vợ, người mẹ trong gia đình. Quan niệm về đạo làm vợ theo Nho giáo (như: “phu xướng phụ tùy”, “chồng là chúa, vợ là tôi”) đã ăn sâu vào nếp nghĩ, nếp sống của nhiều người Việt. Đó cũng là nguyên nhân khiến cho tình trạng bạo lực gia đình, mà nạn nhân chủ yếu là người phụ nữ, vẫn còn xuất hiện khá phổ biến trong xã hội ta hiện nay. Theo nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam được Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp Quốc công bố ngày 25 tháng 11 năm 2010, cứ 3

phụ nữ có gia đình hoặc đã từng có gia đình, thì có một người (34%) đã từng bị chồng mình bạo hành thể xác hoặc tình dục. Số phụ nữ có hoặc từng có gia đình hiện đang phải chịu một trong hai hình thức bạo hành này chiếm 9%. Nếu xem xét đến cả ba hình thức bạo hành chính trong đời sống vợ chồng - thể xác, tình dục và tinh thần, thì có hơn một nửa (58%) phụ nữ Việt Nam cho biết đã từng là nạn nhân của ít nhất một hình thức bạo lực gia đình kể trên. Các kết quả nghiên cứu khác cũng cho thấy khả năng phụ nữ bị chồng mình lạm dụng nhiều hơn gấp ba lần so với khả năng họ bị người khác lạm dụng [7].

Điều này đã và đang gây khó khăn cho việc hiện thực hóa Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình của Nhà nước ta, nhằm đảm bảo quyền tự do hôn nhân cũng như bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người phụ nữ trong gia đình.

3.2. Ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng tuyệt đối hóa vai trò của gia đình, đặt lợi ích của gia đình lên trên, lợi ích của xã hội

Nho giáo là một học thuyết đặc biệt đề cao vai trò của gia đình và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Bởi, theo quan niệm của Nho giáo, “nhà” là gốc của nước, “nhà” có vững thì “nước” mới mạnh và “tề gia” cũng là trách nhiệm cơ bản của người quân tử trước khi tính đến việc “trị nước”, “bình thiên hạ”. Quan niệm này có mặt tích cực, Nho giáo giáo dục các thành viên trong gia đình yêu thương đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, sống có trên, có dưới. Mỗi con người đều có sự kết dính khăng khít với gia đình mình, gia tộc mình và luôn chịu trách nhiệm trước sự hưng vong của cả dòng tộc.

Tuy nhiên, do quá nhấn mạnh và đề cao vai trò của gia đình nên Nho giáo đôi khi đem lợi ích của gia đình đối lập với lợi ích của xã hội, nghĩa là đưa lợi ích của gia đình đặt lên trên lợi ích của cả cộng đồng và đôi khi vì lợi ích gia đình mà sẵn sàng hy sinh lợi ích cộng đồng. Quan niệm này có ảnh hưởng tiêu cực đối với đời sống đạo đức của xã hội ta hiện nay, cụ thể như sau:

Thứ nhất, do quá coi trọng quan hệ huyết thống, lợi ích của gia đình, dòng tộc nên nhiều người khi có chức, có quyền luôn tìm mọi cách bố trí, sắp xếp cho con em mình, người họ hàng mình vào nắm giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước, bất chấp năng lực, trình độ và kinh nghiệm của những người này không đáp ứng được yêu cầu của công việc. Người Việt Nam từ xưa đến nay luôn có quan niệm “một người làm quan, cả họ được nhờ” và với quan niệm đó, nhiều lãnh đạo đã biến cơ quan thành nhà của mình, lợi dụng chức quyền trọng dụng người thân, kéo bè, kéo cánh hồng trực lợi cho bản thân, cho gia đình mình. “Đại biểu Quốc hội, dư luận cử tri và báo chí phản ánh trong công tác điều động, bổ nhiệm cán bộ thời gian qua có một số trường hợp lạm dụng quy định để điều động, bổ nhiệm cán bộ không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, năng lực, chưa thật sự tiêu biểu, thiếu kinh nghiệm thực tế là người trong gia đình, người thân” [4]. Điều này có ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả công việc khi mà các vị trí được tuyển dụng, không phụ thuộc vào tài năng, vào trình độ, vào đạo đức và uy tín, mà phụ thuộc vào thân thế của người được bổ nhiệm. Thực tế này cũng gây bức xúc, bất bình trong dư luận, làm giảm lòng tin của cán bộ đảng viên và nhân dân vào chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng, Nhà nước.

Thứ hai, do chỉ chú trọng đến việc thu vén, đề cao lợi ích của những người thân trong gia đình, họ hàng mà nhiều cá nhân sẵn sàng quên đi lợi ích của người khác, lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc. Họ sẵn sàng làm ngơ trước những khó khăn, đau khổ của người khác. Họ trở nên vô cảm với nỗi đau, với khó khăn của những người xung quanh và cho rằng, mình không hề có trách nhiệm gì trong việc chia sẻ, khắc phục những vấn đề đó. Đây cũng là cái cớ để cho những người có chức, có quyền lợi dụng chức quyền tham nhũng, tham ô, vơ vét của dân, của nước để làm lợi cho bản thân mình, gia đình mình và cũng là một trong những nguyên nhân khiến tình trạng tham nhũng ở Việt Nam luôn nằm ở mức đáng báo động.

3.3. Ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng trọng nam khinh nữ, coi thường vị trí và vai trò của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội

Trọng nam khinh nữ là một trong những quan niệm cơ bản của người Việt Nam truyền thống do sự chi phối của hệ tư tưởng Nho giáo. Khi được du nhập vào Việt Nam, tư tưởng trọng nam khinh nữ đã trở nên mềm hóa và bớt khắt khe hơn, bởi nó được kết hợp với truyền thống tôn trọng vai trò của phụ nữ, mà đặc biệt là tín ngưỡng thờ mẫu tồn tại phổ biến trong đời sống của người Việt cổ. Điều này đã góp phần làm nên nét riêng của đạo đức Nho giáo tại Việt Nam. Tuy nhiên, giống như Nho giáo Trung Quốc, các nhà nho Việt Nam cũng cho rằng, phụ nữ là hạng người có địa vị thấp trong xã hội. Dưới chế độ phong kiến, người phụ nữ phải chịu mọi sự áp bức, bất công, bất bình đẳng so với nam giới. Chẳng hạn, họ bị xem như một thứ tài sản của chồng, bị sung công

khi người chồng phạm tội phải đi lưu đày (thời Lý); nếu vợ ngoại tình thì người chồng được phép xem vợ như nô tì và có thể đem cầm, bán (thời Trần); vợ con của những binh sĩ ra trận mà thiếu tinh thần chiến đấu cũng sẽ bị sung công (nhà Hồ); ngoài ra phụ nữ cũng phải chịu muôn vàn những đắng cay, tủi nhục của tệt đa thê, hôn nhân cưỡng bức, sống cuộc đời luôn chịu sự lệ thuộc vào đàn ông và luôn bị trói buộc bởi những đạo lý, khuôn phép mà lễ giáo đạo Nho quy định. Hiện nay, những ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng trọng nam khinh nữ này vẫn thể hiện rất rõ nét trong đời sống tinh thần người Việt Nam từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội.

Trong gia đình, ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng trọng nam khinh nữ thể hiện đầu tiên qua quan niệm sinh con trai, con gái. Nho giáo rất coi trọng việc sinh được con trai, bởi lẽ theo Nho giáo, người đàn ông là trụ cột trong gia đình, có trách nhiệm nối dõi tông đường, thờ phụng tổ tiên; nếu không sinh được con trai, không có cháu đích tôn thì dòng giống của gia đình sẽ bị tuyệt tự, không sinh được con trai là một trong những tội bất hiếu lớn nhất của con cái đối với cha mẹ. Quan niệm nhận như vậy đã ăn sâu vào nếp nghĩ, lối sống của người Việt từ đời này qua đời khác, từ các thế hệ trước cho đến các thế hệ ngày nay. Việc người vợ không sinh được con trai trở thành lý do tan vỡ của nhiều gia đình, trở thành cái cớ để người chồng, gia đình nhà chồng chỉ trích, ngược đãi người vợ. Do muốn sinh con trai nên người ta sử dụng những thành tựu y học, can thiệp vào quá trình thụ thai tự nhiên để lựa chọn giới tính cho thai nhi, rồi khi không được như mong muốn, những người bố, người mẹ ấy cũng sẵn sàng hủy hoại đi đứa con chưa chào đời của mình nếu đó không phải là con trai. Tư tưởng trọng

nam khinh nữ cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc mất cân bằng giới tính trong tỷ lệ sinh con tại Việt Nam hiện nay và để lại những hệ quả xã hội nghiêm trọng trong tương lai. Trong 14 năm qua, tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh tăng dần từ 105, 106 đến 120 bé trai trên 100 bé gái. Nếu vấn đề này không được giải quyết hiệu quả thì chỉ trong thời gian ngắn, Việt Nam sẽ dư thừa 2,3-4,3 triệu thanh niên nam so với nữ [8].

Tư tưởng trọng nam khinh nữ theo Nho giáo không chỉ thể hiện trong quan niệm sinh con trai, con gái, mà còn thể hiện trong sự phân biệt, đối xử của cha mẹ đối với con trai và con gái trong quá trình nuôi dạy con cái. Tình trạng này diễn ra khá phổ biến trong nhiều gia đình, đặc biệt ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Khi đời sống còn gặp nhiều khó khăn, cơ hội được tiếp nhận giáo dục hay học tập lên cao chủ yếu chỉ dành cho con trai. Thực trạng này xuất phát từ căn nguyên hết sức sâu xa là quan niệm của Nho giáo đối với việc giáo dục con người. Nho giáo cho rằng, chỉ có người đàn ông mới có quyền đi học, còn phụ nữ là đối tượng khó dạy bảo, giáo huấn. Nho giáo tuy chủ trương giáo dục cho tất cả mọi người, nhưng cũng cho rằng, phụ nữ và tiểu nhân là khó cảm hóa, khó nuôi dạy. Các nhà nho cho rằng người phụ nữ cần học tập tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh), theo họ đó là những phẩm chất đạo đức cần có để người phụ nữ có thể làm tròn đạo Tam tòng (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử), suốt đời phục dịch và chịu sự đè nén của những người đàn ông trong cuộc đời họ (cha, chồng và con trai). Do có ít cơ hội trong giáo dục, (đặc biệt là giáo dục ở những bậc cao) nên người phụ nữ có ít cơ hội được trau dồi, nâng cao trình độ bản

thân và đương nhiên cũng sẽ ít có cơ hội khi tìm kiếm việc làm trong thị trường lao động cũng như khẳng định vị trí và vai trò của mình trong xã hội.

Tư tưởng trọng nam khinh nữ của đạo đức Nho giáo có nhiều biểu hiện phức tạp. Tiêu biểu nhất phải đề cập ở đây là việc hạ thấp vai trò của người phụ nữ khi họ tham gia các công việc xã hội, cũng như việc nhìn nhận không đúng hiệu quả công việc mà họ đạt được. Ở nhiều vị trí công việc, người ta tuyển dụng không chỉ căn cứ vào tài năng, trình độ mà còn căn cứ vào giới tính. Cùng một vị trí công việc, nam giới bao giờ cũng có ưu thế hơn nữ giới, đặc biệt là đối với các ngành đòi hỏi trình độ về khoa học quản lý, về công nghệ, về kinh doanh. Với những định kiến cũ của xã hội, nữ giới chỉ thích hợp khi tham gia vào một số ngành nghề nhất định gắn liền với chức năng của họ trong gia đình (như giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, y tá, hộ lý, hộ sinh...).

Có được chức vị cao trong công việc là một điều hết sức khó khăn đối với nữ giới. Nhiều cán bộ nữ dù hội đủ tài năng, đạo đức, kinh nghiệm nhưng cũng rất khó được đề bạt vào những chức vụ cao nhất trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp. Hầu hết các cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước ở nước ta hiện nay chủ yếu là nam trong khi tỷ lệ cán bộ nữ giữ những vị trí này là rất thấp. Ví dụ, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2015-2020 chiếm tỷ lệ 13,3%; các đại hội đảng bộ trực thuộc Trung ương đã bầu ra 61 bí thư cấp ủy, trong đó chỉ có 3 đồng chí là nữ, chiếm tỷ lệ 4,76%; tổng số phó bí thư cấp ủy được bầu là 155 đồng chí, trong đó chỉ có 17 đồng chí phó bí thư nữ, chiếm tỷ lệ 10,97% [9].

Không chỉ trong việc bổ nhiệm, ngay cả trong công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ, cán bộ nữ bao giờ cũng chịu nhiều thiệt thòi hơn cán bộ nam do cách nhìn định kiến của những người giữ những chức vụ cao trong hệ thống chính quyền cũng như định kiến xã hội.

Những điều đã nêu ở trên là những minh chứng rõ nét cho ảnh hưởng tiêu cực trong tư tưởng trọng nam khinh nữ theo đạo đức Nho giáo đối với cuộc sống của người phụ nữ Việt Nam hiện nay. Những ảnh hưởng tiêu cực này chừng nào chưa được loại bỏ một cách hoàn toàn thì người phụ nữ sẽ khó có cơ hội được sống một cách tự do, độc lập cũng như ít cơ hội vươn lên tự khẳng định bản thân, vị trí và vai trò của mình trong gia đình hay ngoài xã hội.

4. Kết luận

Đạo đức Nho giáo có ảnh hưởng đối với đời sống tinh thần của người Việt Nam hiện nay nói chung và đời sống đạo đức nói riêng theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực. chúng ta cần nhận thức đúng ảnh hưởng đó. Có như vậy chúng ta mới đề ra được những giải

pháp phù hợp nhằm phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của đạo đức Nho giáo đối với đời sống đạo đức ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Chí Minh (2013), *Toàn tập*, t.11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] D.Ikeda và Peccei (1994), *Tiếng chuông cảnh tỉnh của thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] <http://baohatinh.vn/xa-hoi/phai-chang-dao-duc-xa-hoi-dang-xuong-cap-nghiem-trong/98484.htm>
- [4] <http://danviet.vn/tin-tuc/bat-binh-viec-bo-nhiem-nguoi-than-can-bo-yeu-kem-710041.html>
- [5] <http://giadinhvatreem.vn/Vi-tre-em/Ngan-chan-bao-hanh-tre-em-trong-gia-dinh-11967>
- [6] <http://www.giadinhvietnam.com/tin-nhanh/hom-nay-2810-bao-cao-quoc-hoi-ve-phong-chong-tham-nhung-d102272.html>
- [7] <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=418&ItemID=10692>
- [8] <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/chenh-lech-nam-nu-co-the-toi-4-trieu-nguoi-3083455.html>
- [9] <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=8874&print=true>